TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-01-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Nguyễn Thị Mến**

2/ Ông **Nguyễn Văn Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 379/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Ng**, sinh năm 1986. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Võ Văn B**, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp V, xã X, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 16/10/2017, nguyên đơn chị Võ Thị Ng trình bày: Chị và anh Võ Văn B xây dựng hôn nhân vào năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 07/10/2009, thời gian chung sống được gần 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng do cuộc sống không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay mà không hàn gắn lại được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không thể nào tiếp tục đoàn tụ chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu ly hôn với anh B. Về con chung: vợ chồng có một con chung tên

Võ Mộng B, sinh ngày 03/10/2005 hiện đang sống với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Kèm theo đơn khởi kiện chị Ng có nộp các tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai, đơn yêu cầu về việc xác nhận nơi cư trú, trích lục kết hôn, trích lục khai sinh Võ Mộng B, bản khai của Võ Mộng B, bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 22/12/2017, bị đơn anh Võ Văn B trình bày: anh xin vắng mặt tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm, phúc thẩm tại Tòa án các cấp, anh đồng ý ly hôn với chị Ng, con chung anh đồng ý để chị Ng nuôi con, anh không cấp dưỡng, về tài sản chung, nợ chung không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Võ Thị Ng có đơn xin vắng mặt ngày 28/11/2017, bị đơn anh Võ Văn B có đơn xin vắng mặt ngày 22/12/2017. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Võ Thị Ng và anh Võ Văn B thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 246/2009 vào ngày 07/10/2009 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh B là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị Ng và anh B sống chung được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, sống không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay nhưng không thể về đoàn tụ chung sống với nhau được và nội dung sự việc được Toà án thụ lý và ra giấy triệu tập hợp lệ mời các đương sự đến để Toà án hoà giải giúp đở đoàn tụ nhưng anh B không đến tham gia phiên hòa giải, có đơn xin vắng mặt và đồng ý ly hôn với chị Ng, chị Ng cũng có đơn xin vắng mặt. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị Ng và anh B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị Ng là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Xét thấy con chung tên Võ Mộng B, sinh ngày 03/10/2005 hiện đang sống trực tiếp với chị Ng, cuộc sống cũng đảm bảo, chị Ng xin được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng, anh B cũng đồng ý để chị Ng được tiếp tục

nuôi con, anh B không cấp dưỡng nuôi con, cháu Võ Mộng B cũng có bản khai ý kiến trình bày nguyện vọng muốn sống chung với mẹ. Nên giao con chung cho chị Ng nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung:

Chị Ng và anh B không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị Ng phải nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Võ Thị Ng. Xử cho chị Võ Thị Ng ly hôn với anh Võ Văn B.

2. Về con chung:

Giao cháu Võ Mộng B, sinh ngày 03/10/2005 cho chị Võ Thị Ng tiếp tục nuôi dưỡng, anh Võ Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Võ Thị Ng nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Ng đã nộp theo biên lai thu số 0014159 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr, chị Ng không phải nộp tiếp.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;

- VKSND huyện Tr;
- THADS huyện Tr;
- UBND xã X, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy chứng nhận kết hôn số 246 ngày 07/10/2009);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Văn Năm